

Bản án số: 58/2020/DS-ST
Ngày: 25-11-2020
V/v “Tranh chấp về hợp đồng
góp hụi và hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Ngân;

Ông Nguyễn Văn Sua.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị L, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số 426, Tổ 4, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Chị Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị Trương Thị L trình bày:

Giữa chị với vợ chồng Chị Trần Thị Cẩm H và Anh Nguyễn Văn T là người quen cùng địa phương, nhà chị và chị H, anh T cạnh nhau. Hai bên có giao dịch vay tiền và góp hụi với nhau cụ thể như sau:

Ngày 30/5/2019 đương lịch chị có cho vợ chồng chị H và anh T vay số tiền 100.000.000 đồng với thời hạn là 15 tháng. Về lãi suất hai bên thỏa thuận đối với số tiền 60.000.000 đồng là 5%/tháng; số tiền 40.000.000 đồng còn lại là 4%/tháng. Khi vay chị có lập hợp đồng cho vay tiền và chị cùng vợ chồng chị H, anh T cùng ký tên. Sau khi vay chị H và anh T đã đóng lãi cho chị được 08 tháng (từ ngày 30/5/2019 đến 30/01/2020) với số tiền 4.600.000 đồng x 8 tháng = 36.800.000 đồng. Sau đó thì ngưng đóng lãi cho đến nay. Về tiền gốc thì chưa trả được cho chị số tiền nào.

Ngày 29/12/2019 đương lịch vợ chồng chị H và anh T vay tiếp của chị số tiền 20.000.000 đồng với thời hạn là 05 tháng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Tại thời điểm vay chị cũng có lập hợp đồng cho vay tiền và chị cùng anh T ký tên, riêng chị H do đi sang con gái ruột tại Malaysia nên không ký tên nhưng chị H có gọi điện thoại về yêu cầu chị cho vợ chồng chị H vay, nên chị chỉ cho một mình anh T ký tên. Sau khi vay chị H và anh T đã đóng lãi cho chị được 02 tháng (từ ngày 29/12/2019 đến 29/02/2020) với số tiền 1.000.000 đồng x 02 tháng = 2.000.000 đồng. Sau đó thì ngưng đóng lãi cho đến nay. Về tiền gốc cũng chưa trả cho chị số tiền nào.

Ngày 22/02/2020, vợ chồng chị H và anh T tiếp tục hỏi vay tiền của chị nhưng chị không còn tiền. Tuy nhiên, vì muốn giúp anh chị có vốn làm ăn nên chị có cho chị H và anh T mượn một phần hụi của chị đứng tên trong dây hụi do chị làm chủ. Tại thời điểm này chị H cũng đang còn ở tại Malaysia nên chị lập giấy biên nhận mượn hụi và chị cùng anh T ký tên vào, riêng chị H không ký tên. Hụi mở lần đầu vào ngày 26/02/2019 (âm lịch), hụi gồm 22 phần và mãn hụi vào ngày 26/10/2020 (âm lịch). chị H và anh T hốt hụi ngày 26/01/2020 (âm lịch) tại kỳ hụi thứ 12 với số tiền 39.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận vợ chồng chị H và anh T sẽ đóng phần chênh lệch do hụi viên kêu không tính lãi vay, khi nào chị có nhu cầu hốt hụi thì anh chị sẽ trả lại. Sau khi hốt hụi anh chị chỉ đóng 01 tháng chênh lệch là tháng 02/2020 với số tiền 450.000 đồng và ngưng không đóng cho đến nay. Đối với số tiền mượn phần hụi này do anh T và chị H không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận, nên nay chị chuyển sang là tiền vay và yêu cầu anh T và chị H trả lại số tiền 39.000.000 đồng cùng tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ với mức 10%/năm kể từ tháng 03/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tổng cộng vợ chồng chị H và anh T đã vay của chị 159.000.000 đồng của 03 khoản vay trên.

Về tiền hụi: Vợ chồng chị H và anh T tham gia 02 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng do chị làm chủ, hụi mở vào ngày 26/02/2019 (âm lịch) và mãn vào ngày 26/10/2020 (âm lịch). Mỗi dây hụi gồm 22 phần, chị H và anh T tham gia mỗi dây 01 phần.

Dây hụi 1: Chị H và anh T đã hốt hụi tại kỳ hụi đầu vào ngày 26/02/2019 (âm lịch) được số tiền là 30.450.000 đồng. Sau khi hốt hụi chị H và anh T đóng được 11 kỳ hụi chết (từ tháng 3/2019 âm lịch đến tháng 01/2020 âm lịch) với số tiền 2.000.000 đồng x 11 kỳ = 22.000.000 đồng, còn thiếu lại 10 kỳ hụi chết với

số tiền 2.000.000 đồng x 10 kỳ = 20.000.000 đồng.

Dây hội 2: Chị H và anh T đã hót hội vào kỳ hội thứ hai ngày 26/3/2019 (âm lịch) được số tiền là 31.000.000 đồng. Sau khi hót hội chị H và anh T đóng được 10 kỳ hội chết (từ tháng 4/2019 âm lịch đến tháng 01/2020 âm lịch) với số tiền 2.000.000 đồng x 10 kỳ = 20.000.000 đồng, còn thiếu lại 10 kỳ hội chết với số tiền 2.000.000 đồng x 10 kỳ = 20.000.000 đồng.

Ngoài 02 phần hội chị H và anh T đã tham gia thì chị H và anh T còn tham gia chung với chị 01 phần hội của dây hội 5.000.000 đồng do chị Hồ Thị C, sinh năm 1973; trú tại: Tổ 4, ấp C, xã H, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh làm chủ. Hội gồm 23 phần, khai ngày 10/3/2019 (dương lịch), hội mãn vào ngày 10/01/2021 dương lịch. Chị đã hót hội tại kỳ thứ 8 (ngày 10/10/2019) với số tiền 90.500.000 đồng và đã chia làm hai, mỗi bên một nửa số tiền là 45.250.000 đồng. Sau khi hót hội xong chị H và anh T chỉ đóng 05 kỳ hội chết (từ tháng 11/2019 đến tháng 3/2020) với số tiền 2.500.000 đồng x 5 kỳ = 12.500.000 đồng, còn thiếu lại 10 kỳ hội chết với số tiền 2.500.000 đồng x 10 kỳ = 25.000.000 đồng. Do chị là người đứng tên trong dây hội này, sau khi vợ chồng anh T và chị H không thực hiện nghĩa vụ đóng hội cho chị C, chị đã bỏ tiền ra đóng thay cho chị H và anh T hội chết đầy đủ hàng tháng cho chị C. Nên chị yêu cầu vợ chồng chị H và anh T có nghĩa vụ trả lại cho chị số tiền hội chết mà chị đã đóng thay trong dây hội này. Tổng cộng vợ chồng chị H và anh T còn nợ lại chị 65.000.000 đồng tiền hội chết.

Nay chị yêu cầu vợ chồng chị H và anh T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị 159.000.000 đồng tiền vay gốc cùng tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vi phạm của từng khoản tiền vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Trong đó: đối với số tiền 100.000.000 đồng thì tính tiền lãi với mức 20%/năm kể từ ngày 30/01/2020 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm; số tiền 20.000.000 đồng tính lãi với mức 20%/năm kể từ ngày 29/02/2020 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm; số tiền 39.000.000 đồng tính lãi với mức 10%/năm kể từ ngày 22/3/2020 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm. Và 65.000.000 đồng tiền hội chết.

Bị đơn – Chị Trần Thị Cẩm H và Anh Nguyễn Văn T:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị H và anh T không đến, không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Trương Thị L. Buộc vợ chồng Chị Trần Thị Cẩm H và Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay cho chị L là 95.144.000 đồng cùng tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vi phạm của từng khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm, trong đó: đối với số tiền 76.480.000 đồng thì tính lãi với mức 20%/năm kể từ ngày 01/02/2020 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm; số tiền 18.664.000 đồng tính lãi với mức 20%/năm kể từ ngày 01/3/2020 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm. Số tiền 39.000.000 đồng tính lãi với mức 10%/năm kể từ ngày 22/3/2020 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm. Buộc vợ chồng chị H và anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền hui 40.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị L đối với số tiền hui 25.000.000 đồng do chị L rút yêu cầu. Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại: Tổ 4, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Chị Trần Thị Cẩm H và Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T.

*** Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của Chị Trương Thị L thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cùng các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp cho Chị Trần Thị Cẩm H và Anh Nguyễn Văn T, nhưng chị H và anh T không đến Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

[2] Xét về hợp đồng góp hui: Tại phiên tòa, chị L rút yêu cầu đối với số tiền hui 25.000.000 đồng trong dây hui 5.000.000 đồng mà chị L cho rằng chị và vợ chồng chị H, anh T cùng tham gia chung 01 phần, hui do chị Hồ Thị C làm

chủ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Đối với 02 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng do chị L làm chủ, hụi mở vào ngày 26/02/2019 (âm lịch) và mãn vào ngày 26/10/2020 (âm lịch). Mỗi dây hụi gồm 22 phần, vợ chồng chị H và anh T tham gia mỗi dây 01 phần. Sau khi hốt hụi, chị H và anh T đóng hụi đến tháng 01/2020 (âm lịch) thì ngưng. Mỗi phần còn thiếu lại 10 kỳ hụi chết với tổng số tiền của 02 phần hụi chết là 40.000.000 đồng.

[4] Tại các biên bản lấy lời khai của người làm chứng (bút lục 59, 61, 63): Tất cả người làm chứng đều xác định chị H có tham gia 02 dây hụi 2.000.000đồng/tháng do chị L làm chủ và đã hốt hụi như lời chị L đã trình bày. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị L về hợp đồng góp hụi đối với chị H và anh T.

[5] Xét về hợp đồng vay tài sản: Tại phiên tòa chị L yêu cầu vợ chồng chị H và anh T trả cho chị tổng cộng 159.000.000 đồng tiền gốc cho 03 khoản vay cùng tiền lãi kể từ ngày vi phạm của từng khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể: Số tiền 100.000.000 đồng tính lãi với mức 20%/năm kể từ ngày 01/02/2020; số tiền 20.000.000 đồng tính lãi với mức 20%/năm kể từ ngày 01/3/2020; đối với số tiền 39.000.000 đồng chị cho chị H và anh T vay từ số tiền của phần hụi sống do chị đứng tên tham gia, không tính lãi. Sau khi nhận tiền chị H và anh T chỉ đóng được một tháng hụi gốc thì ngưng, nên chị yêu cầu tính lãi với mức 10%/năm kể từ ngày 22/3/2020 âm lịch (tương ứng ngày 14/4/2020 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm.

[6] Thấy rằng, đây là yêu cầu có cơ sở chấp nhận, tuy nhiên về phần tiền lãi chị L đã thu đối với số tiền vay 100.000.000 đồng ngày 30/5/2019 và số tiền vay 20.000.000 đồng ngày 29/12/2019 là vượt quá quy định về tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, phải tính lại phần lãi suất các đương sự đã thỏa thuận với lãi suất theo quy định của pháp luật (20%/năm) để khấu trừ vào tiền vay gốc, cụ thể:

- Lãi suất theo quy định của pháp luật:

+ Đối với số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 30/5/2019, tính đến ngày 30/01/2020 là 08 tháng: $100.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} = 13.280.000 \text{ đồng}$; Đối với số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 29/12/2019, tính đến ngày 29/02/2020 là 02 tháng: $20.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 664.000 \text{ đồng}$.

+ Phần lãi chênh lệch chị L thực nhận và tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền vay 100.000.000 đồng: $36.800.000 \text{ đồng} - 13.280.000 \text{ đồng} = 23.520.000 \text{ đồng}$. Đây là phần lãi suất vượt quá theo quy định của pháp luật. Do đó, cần khấu trừ số tiền lãi suất vượt quá vào tiền vay gốc 100.000.000 đồng: $100.000.000 \text{ đồng} - 23.520.000 \text{ đồng} = 76.480.000 \text{ đồng}$.

+ Phần lãi chênh lệch chị L thực nhận và tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền vay 20.000.000 đồng: $2.000.000 \text{ đồng} - 664.000 \text{ đồng} =$

1.336.000 đồng. Đây là phần lãi suất vượt quá theo quy định của pháp luật. Do đó, cần khấu trừ số tiền lãi suất vượt quá vào tiền vay gốc 20.000.000 đồng: $20.000.000 \text{ đồng} - 1.336.000 \text{ đồng} = 18.664.000 \text{ đồng}$.

Do đó, vợ chồng chị H và anh T có nghĩa vụ trả cho chị L tổng số tiền vay gốc của 03 khoản vay là: $76.480.000 \text{ đồng} + 18.664.000 \text{ đồng} + 39.000.000 \text{ đồng} = 134.144.000 \text{ đồng}$.

[7] Về tiền lãi của từng khoản vay gốc còn lại được tính cụ thể như sau:

+ Đối với số tiền 76.480.000 đồng tính lãi suất với mức 20%/năm kể từ ngày 01/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/11/2020) là 09 tháng 24 ngày: $76.480.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} = 12.442.000 \text{ đồng}$.

+ Đối với số tiền 18.664.000 đồng tính lãi suất với mức 20%/năm kể từ ngày 01/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/11/2020) là 08 tháng 26 ngày: $18.664.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} = 2.727.000 \text{ đồng}$.

+ Đối với số tiền vay 39.000.000 đồng tính lãi suất với mức 10%/năm kể từ ngày 22/3/2020 (âm lịch) tương ứng là ngày 14/4/2020 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (25/11/2020) là 07 tháng 09 ngày: $39.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} 09 \text{ ngày} = 2.363.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi của 03 khoản tiền vay là: $12.442.000 \text{ đồng} + 2.727.000 \text{ đồng} + 2.363.000 \text{ đồng} = 17.532.000 \text{ đồng}$.

[8] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Trương Thị L. Buộc chị Trần Thị Cẩm H và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền 191.676.000 đồng, bao gồm: 134.144.000 đồng tiền vay gốc, 17.532.000 đồng tiền lãi và 40.000.000 đồng tiền hui.

[9] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa: Xét thấy, đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm H và Anh Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Trương Thị L.

Buộc chị Trần Thị Cẩm H và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả

cho Chị Trương Thị L số tiền 191.676.000 đồng (một trăm chín mươi một triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng, bao gồm: 134.144.000 (một trăm ba mươi bốn triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng tiền vay gốc, 17.532.000 (mười bảy triệu năm trăm ba mươi hai nghìn) đồng tiền lãi và 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng tiền hụi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, **Điều 468** Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L đối với số tiền hụi 25.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Chị Trần Thị Cẩm H và anh Nguyễn Văn T phải chịu **9.583.800 (chín triệu năm trăm tám mươi ba nghìn tám trăm)** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trương Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **5.600.000** (năm triệu sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số **0007281** ngày **21/7/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phượng

